TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2020
V/v : Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung
Ông Nguyễn Trọng Tảo

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Th - Sinh năm 1993
Địa chỉ: Khối Đ, thị trấn T, huyện T, Điện Biên.
Bị đơn: Anh Ngô Đình L - Sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn M, xã Y, huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Th (Có đơn xin giải quyết vằng mặt). Anh L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Đỗ Thị Th trình bày:

Chị chung sống với anh Ngô Đình L có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Ph, tỉnh Lai Châu vào ngày 24/02/2017. Ngay từ thời gian đầu chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh L thường xuyên tụ tập bạn bè cờ bạc, rượu chè, không quan tâm gì đến vợ con. Chị cũng đã khuyên can nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Chị và anh L đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 6/2019 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L, không thể

tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh L được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là cháu Ngô Ngọc Hà M, sinh ngày 07/7/2017. Hiện nay cháu đang ở với chị nên chị xin được nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 30/10/2020 bị đơn anh Ngô Đình L trình bày:

Anh kết hôn với chị Đỗ Thị Th vào ngày 24/02/2017 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vợ chồng chung sống đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ kinh tế, chị Th cho rằng anh không quan tâm gì đến vợ con, chị đã nghe lời bố mẹ đẻ nên dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Anh chị đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 7/2019 đến nay. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí vì anh nghĩ đến con chung.

Về con chung: Anh và chị Th có 01 con chung là cháu Ngô Ngọc Hà M, sinh ngày 07/7/2017. Hiện nay cháu đang ở với chị Th, nếu chị Th nhất quyết ly hôn thì anh đồng ý để chị Th nuôi con vì cháu còn bé và theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh Ngô Đình L không đồng ý ly hôn vì anh còn tình cảm với chị Th. Nếu chị Th nhất quyết xin ly hôn thì anh xin được nuôi con chung là cháu Ngô Ngọc Hà M, anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc chị Th xin nuôi cháu M và yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung 3 triệu đồng một tháng, anh không nhất trí, anh đề nghị tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh L yêu cầu tòa án giải quyết tài sản chung cho anh chị. Tuy nhiên sau khi được Hội đồng xét xử giải thích thì anh không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản và các vấn đề khác liên quan đến tài sản.

Vì chị Th có đơn xin giải quyết vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Th khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Đình L. Anh Ngô Đình L hiện đang cư trú tại thôn Minh Sơn, xã Yên Chính, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị Th có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt chị Th.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Th và anh Ngô Đình L được xác lập vào ngày 24/02/2017, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh L không quan tâm đến vợ con, chị Th đã khuyên can nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Đến tháng 06/2019 thì anh chị sống ly thân nhau, chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Chị Th xác định không còn tình cảm với anh L nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về phía anh L, anh cũng xác định cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ kinh tế, chị Th cho rằng anh không quan tâm gì đến vợ con, chị Th nghe lời bố mẹ đẻ nên dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Anh và chị Th đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 7/2019 đến nay. Mặc dù anh L không đồng ý ly hôn nhưng trong suốt 01 năm vợ chồng ly thân và cho đến khi Tòa án giải quyết vụ án, anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị Th có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì xác định không còn tình cảm với anh L, không thể tiếp tục chung sống cùng anh L được nữa. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Th, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Ngô Ngọc Hà M, sinh ngày 07/7/2017, cháu M hiện đang sống cùng chị Th và chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 03 triệu đồng. Trong các buổi làm việc tại tòa án trước đó, anh L đồng ý để cho chị Th nuôi dưỡng cháu M. Tuy nhiên tại phiên tòa anh L thay đổi quan điểm, anh xin được nuôi dưỡng cháu M. Việc chị Th xin nuôi cháu M và yêu

cầu anh cấp dưỡng nuôi cháu 3 triệu đồng một tháng là quá cao, anh đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy, cháu M hiện nay còn nhỏ và thực tế chị Th đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu M cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu M trưởng thành, tự lập được là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị Th, anh L xác định không đề nghị Tòa án quyết. Tại phiên tòa anh L đề nghị tòa án giải quyết tài sản chung cho anh chị nhưng khi được Hội đồng xét xử giải thích thì anh L không đề nghị nữa. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nội dung này.

[3]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị Th và anh Ngô Đình L.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Ngọc Hà M, sinh ngày 07/7/2017 cho chị Đỗ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ngô Đình L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 11/2020 cho đến khi cháu M trưởng thành và tự lập được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị Th, anh L không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Đỗ Thị Th phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001552 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô Đình L phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự:

Anh Ngô Đình L được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Chị Đỗ Thị Th được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã Yên Chính: 01 bản;
- UBND TT. P, Ph, Lai Châu
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Văn Anh